ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC THỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3764 /BC-UBND	*Đức Thịnh, ngày09 tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO
Tổng kết công tác tư pháp năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp công tác tư pháp năm 2027

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Kế hoạch công tác tư pháp năm 2026 và sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân xã Đức Thịnh đánh giá tình hình thực hiện công tác tư pháp năm 2026 và xác định nhiệm vụ, giải pháp công tác tư pháp năm 2027 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2026

Năm 2026, công tác tư pháp trên địa bàn xã Đức Thịnh được triển khai trong bối cảnh thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; cấp huyện không còn là một cấp hành chính hiện hành, các nhiệm vụ công tác tư pháp được chuyển giao, phân cấp về cấp xã. Điều kiện về tổ chức bộ máy, nhân lực, cơ sở vật chất của xã trong năm đầu thực hiện mô hình mới còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chất lượng thực hiện các nhiệm vụ công tác tư pháp.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả đạt được

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên được thực hiện kịp thời, trọng tâm là triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành 253/KH-UBND, ngày 29/01/2026 văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai để cụ thể hóa các nội dung nêu trên phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và mô hình chính quyền địa phương hai cấp; phân công công chức tư pháp - hộ tịch theo dõi, tham mưu thực hiện các lĩnh vực công tác tư pháp trên địa bàn.

Việc kiểm tra, hướng dẫn về công tác chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện thông qua hoạt động kiểm tra, hướng dẫn của Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh và việc tự kiểm tra, đôn đốc của Ủy ban nhân dân xã.

2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, số lượng công chức làm công tác tư pháp – hộ tịch tại xã còn mỏng so với khối lượng nhiệm vụ được giao, trong khi nhiều nhiệm vụ trước đây do cấp huyện thực hiện nay chuyển về cấp xã; công chức phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên việc nghiên cứu văn bản, tham mưu chuyên sâu còn hạn chế.

Công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn trong xã và với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có thời điểm chưa thật sự nhịp nhàng; một số văn bản chỉ đạo của cấp trên có nội dung mới, phạm vi điều chỉnh rộng nên việc quán triệt, triển khai còn lúng túng.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRONG CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Công tác xây dựng, thẩm định; tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Kết quả đạt được

Về quán triệt, tổ chức thực hiện các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong công tác xây dựng pháp luật: Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức quán triệt đến toàn thể công chức, người hoạt động không chuyên trách các nội dung chỉ đạo về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật;

Về xây dựng pháp luật: Trong năm 2026, Ủy ban nhân dân xã đã tham gia góp ý 26 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do cấp trên gửi lấy ý kiến; không ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền. Về số lượng, chất lượng công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tại địa phương: 01 dự thảo văn bản QPPL đang trình lấy ý kiến. Tình hình ban hành văn bản để xử lý khó khăn, vướng mắc theo cơ chế quy định tại Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật:

Về tự kiểm tra VBQPPL: Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện tự kiểm tra văn bản theo thẩm quyền; số văn bản phát hiện trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung là không; số văn bản có sai sót về căn cứ pháp lý, hiệu lực, thể thức, kỹ thuật trình bày là không. Tình hình tự xử lý hoặc kiến nghị cơ quan khác xử lý văn bản trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung: không. Tình hình xử lý văn bản trái pháp luật theo kết luận, kiến nghị của Sở Tư pháp, gồm tình hình xử lý đối với văn bản đã được kết luận trong năm 2026 và tình hình xử lý đối với văn bản đã được kết luận trước năm 2026, đã được đôn đốc nhưng chưa xử lý: không.

Đánh giá tác động do văn bản trái pháp luật gây ra nên biện pháp khắc phục: không phát sinh. Việc xem xét xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, người có liên quan trong việc tham mưu soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, ban hành văn bản trái pháp luật: không.

Về công tác rà soát VBQPPL: Kết quả thực hiện công tác rà soát VBQPPL là 03 văn bản; kết quả rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; việc công bố văn bản hết hiệu lực với 03 văn bản.

Về triển khai nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Ủy ban nhân dân xã đã triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống VBQPPL của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VBQPPL (theo Quyết định số 1283/QĐ-BCĐ ngày 02/6/2026 thành lập Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VBQPPL.

1.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Năng lực tham mưu xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của cấp xã còn hạn chế do công chức chưa được đào tạo chuyên sâu về công tác xây dựng pháp luật; việc cập nhật, tra cứu văn bản phục vụ rà soát còn phụ thuộc vào hệ thống dữ liệu dùng chung, đôi khi chậm cập nhật.

2. Công tác tổ chức thi hành pháp luật

2.1. Kết quả đạt được

Việc tham mưu ban hành hoặc ban hành kế hoạch triển khai các VBQPPL, đặc biệt là các Luật, Nghị quyết do Bộ Tư pháp chủ trì tham mưu trình Quốc hội ban hành tại Kỳ họp thứ nhất và Kỳ họp không thường lệ lần thứ Nhất, được thực hiện. Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức phổ biến, quán triệt, tập huấn những nội dung cơ bản của VBQPPL cho cán bộ, công chức và nhân dân; việc xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, quy định biện pháp cụ thể để thi hành VBQPPL được giao:

Tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành VBQPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2026: Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch số 274/KH-UBND, ngày 30/01/2026 về việc theo dõi việc thi hành VBQPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2026 ở địa phương,

Công tác chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đôn đốc tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến địa bàn quản lý được duy trì thường xuyên.

Khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL: Ủy ban nhân dân xã trong năm không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và xử lý trường hợp nào.

Việc bảo đảm cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc tổ chức thi hành pháp luật:

2.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Nguồn lực cho công tác tổ chức thi hành pháp luật tại xã còn hạn chế; một số VBQPPL mới ban hành có nội dung phức tạp, cần nhiều thời gian để quán triệt và triển khai thực hiện.

3. Công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hòa giải ở cơ sở

3.1. Kết quả đạt được

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL):

Về xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về công tác PBGDPL; công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra; tình hình, kết quả triển khai các văn bản, đề án, chương trình về PBGDPL và kết quả triển khai các Đề án khác về PBGDPL tại địa phương: Ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch công tác tư pháp số 253/KH-UBND ngày 29/01/2026, trong đó có mục nội dung tuyên truyền Phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở.

Kết quả triển khai thực hiện Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành; công tác phổ biến, tuyên truyền các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong năm 2026:

Việc kiện toàn, hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL: Ủy ban nhân dân xã đã thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã theo quy định; tình hình triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp PBGDPL theo Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương và cấp tỉnh:

Hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; nội dung, hình thức PBGDPL, trong đó tập trung việc triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong PBGDPL; các sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả; công tác PBGDPL cho đối tượng đặc thù:

Các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; pháp luật về bầu cử; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; pháp luật về thuế; an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; Các văn bản liên quan đến thanh thiếu niên, học sinh như an toàn giao thông, phòng chống ma túy, phòng chống tác hại của thuốc lá, phòng chống bạo lực học đường, xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến quản lý, sử dụng pháo; Luật An toàn vệ sinh thực phẩm; pháp luật về nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Luật An ninh mạng; Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều liên quan đến an ninh trật tự; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (sửa đổi); Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Dân số; Luật Phòng bệnh; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Luật Xây dựng (sửa đổi); Luật Chuyển đổi số; Luật Viên chức (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng; Pháp luật về đất đai, bảo hiểm xã hội, hôn nhân và gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, nghĩa vụ quân sự; các quy định xử phạt vi phạm hành chính; phòng, chống tai nạn, thương tích; Luật Hộ tịch; Luật Tiếp cận thông tin; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

Bên cạnh những nội dung pháp luật mới đã được tuyên truyền, UBND xã đã kịp thời tuyên truyền các văn bản Quy phạm pháp luật của UBND tỉnh và HĐND tỉnh liên quan trực tiếp đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

Về kết quả PBGDPL đối với từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực: UBND xã đã chú trọng tuyên truyền đến các nhóm đối tượng đặc thù như người cao tuổi, phụ nữ, thanh thiếu niên, học sinh, hộ nghèo, hộ cận nghèo và địa bàn dân cư còn khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội; hình thức tuyên truyền được điều chỉnh phù hợp với trình độ nhận thức và nhu cầu thông tin pháp luật của từng nhóm đối tượng.

Đa dạng hóa hình thức, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong PBGDPL

Công tác PBGDPL được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng: hội nghị, tập huấn, đối thoại, tuyên truyền trực tiếp kết hợp trực tuyến; tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh thông minh, Trang thông tin điện tử của xã, mạng xã hội (Zalo, Facebook) và các nền tảng số khác; đồng thời từng bước xây dựng, nhân rộng các mô hình PBGDPL hiệu quả, cụ thể:

Số cuộc PBGDPL trực tiếp: 12 cuộc, với 1560 lượt người tham gia (cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn xã).

Về tài liệu PBGDPL được biên soạn, cấp phát: đã biên soạn, in ấn và cấp phát khoảng 2.200 tờ gấp, 10 bộ đề cương tuyên truyền và 95 băng rôn, pano, khẩu hiệu phục vụ công tác tuyên truyền tại các thôn, trường học, cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

Tích cực hưởng ứng, vận động cán bộ, công chức, học sinh và Nhân dân tham gia 04 cuộc thi trực tuyến do Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh và các cơ quan cấp trên tổ chức, gồm: Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu Hiến pháp và pháp luật" trên Cổng Pháp luật quốc gia; Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; Cuộc thi trực tuyến "Thuế với người dân và doanh nghiệp" năm 2026; Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu về Hiến pháp và pháp luật trong kỷ nguyên số"

Về các sản phẩm số khác: đã xây dựng, đăng tải 14 tin, bài tuyên truyền pháp luật; 06 video clip ngắn; 10 sản phẩm infographic trên Trang thông tin điện tử và trang mạng xã hội của xã, thu hút khoảng 2.500 lượt xem, 530 lượt tương tác (thích, bình luận, chia sẻ); bước đầu tạo hiệu ứng lan tỏa thông tin pháp luật nhanh, kịp thời đến đông đảo người dân, đặc biệt là nhóm đối tượng trẻ tuổi thường xuyên sử dụng mạng xã hội.

Về mô hình, cách làm hiệu quả: tiếp tục duy trì mô hình " Câu lạc bộ pháp luật" tại các thôn, kết hợp lồng ghép nội dung PBGDPL vào sinh hoạt của các chi hội, chi đoàn; triển khai mới mô hình "câu lạc bộ pháp luật" gắn với các sự kiện chính trị, văn hóa của địa phương, thu hút đông đảo người dân tham gia. Các mô hình bước đầu phát huy hiệu quả, có khả năng duy trì và nhân rộng trong thời gian tới.

Công tác hòa giải ở cơ sở: Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể: ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về kinh phí theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; xây dựng kế hoạch kiểm tra, tập huấn 01 cuộc; củng cố, sau khi có chủ trương sát nhập đơn vị thôn có hiệu lực từ 01/07/2026 từ 42 tổ hòa gải sau kiện toàn còn 23 tổ hòa giải với 180 hòa giải viên; kết quả hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở: tiếp nhận không vụ việc, hòa giải thành không vụ việc; mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả đã được hướng dẫn nhân rộng:

Công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Ủy ban nhân dân xã triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp; gắn nhiệm vụ được giao với Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Công tác thông tin, truyền thông, tập huấn, kiểm tra về đánh giá, công nhận cấp xã đạt

chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện với 02 cuộc; kết quả cấp xã đề nghị đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026.

Nguồn lực kinh phí dành cho 03 lĩnh vực: Kinh phí bố trí triển khai hoạt động PBGDPL; kinh phí dành cho công tác hòa giải ở cơ sở; kinh phí bố trí triển khai công tác tiếp cận pháp luật trên địa bàn là 118.700.000đ (trong đó gồm ngân sách nhà nước cấp triển khai nhiệm vụ được giao và kinh phí thực hiện các Đề án về PBGDPL mà địa phương đang triển khai).

Trọng tâm là việc triển khai các Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027" theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án "Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025 - 2030" theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án "Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030" ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án "Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật" ban hành kèm theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật còn hạn chế, chủ yếu lồng ghép vào các hoạt động khác; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên chủ yếu là kiêm nhiệm nên thời gian dành cho công tác tuyên truyền chưa nhiều; hình thức tuyên truyền tại một số thôn còn đơn điệu, hiệu quả tiếp cận chưa cao.

4. Công tác quản lý nhà nước về hộ tịch, nuôi con nuôi

4.1. Kết quả đạt được

4.1.1. Công tác hộ tịch

Báo cáo kết quả thực hiện Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành, thực hiện kế hoạch triển khai Luật Hộ tịch năm 2026 và triển khai Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2026 - 2030:

Tình hình triển khai các nhiệm vụ lĩnh vực hộ tịch tại địa phương, cụ thể: việc thực hiện 02 thủ tục hành chính liên thông (đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí) đạt 100% hồ sơ; tình hình đăng ký hộ tịch trực tuyến tại địa phương: 100% hồ sơ.

Tình hình đăng ký khai sinh trong nước 550 trường hợp trong đó đăng ký đúng hạn 336 trường hợp. Trong đó nam 170 nữ 166. Đăng ký quá hạn 6 trường hợp. Trong đó nam 01 trường hợp, nữ 04 trường hợp. Đăng ký lại 210 trường hợp, trong đó nam 107 nữ 102.

Đăng ký khai sinh có liên quan đến yếu tố nước người 02 trường hợp. 01 trường hợp 01 nam đăng ký quá hạn. 01 nữ đăng ký lại nhập Quốc tịch Trung Quốc.

Đăng ký kết hôn 184: Trong đó 02 đôi có yếu tố nước ngoài. Đăng ký lần đầu 152 đôi. Đăng ký lại 30 đôi.

Đăng ký khai tử 234: Trong đó đăng ký đúng hạn 175 trường hợp, nam 91 trường hợp, nữ 84 trường hợp. Đăng ký quá hạn 47 trường hợp. Nam 25 nữ 22. Đăng ký lại 12 trường hợp. Trong đó 09 nam 03 nữ.

Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho 340 trường hợp. Mục đích khác 312 trường hợp. Trong đó nam 152 nữ 160. Mục đích để đăng ký kết hôn ở nước ngoài 28 trường hợp nam 16 nữ 12.

Thay đổi, cải chính, xác định lại dân tộc: 41 trường hợp

Nhận cha, mẹ, con: 02 trường hợp.

Việc rà soát, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ hộ tịch, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở cấp xã khi thực hiện sắp xếp tổ chức chính quyền tại địa phương: 02 cuộc tập huấn; số công chức làm công tác hộ tịch hiện có là 01 người.

4.1.2. Công tác nuôi con nuôi

Công tác quản lý nhà nước về con nuôi: (i) Kết quả định kỳ 6 tháng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi đối với trẻ em đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật (thực hiện khoản 1 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2025/NĐ-CP): Trong năm 2026 không có trường hợp nuôi con nuôi trong nước nào; (ii) Công tác phối hợp liên ngành ở địa phương trong thực hiện việc rà soát các cơ sở nuôi dưỡng, đôn đốc cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ của trẻ em cần tìm gia đình thay thế để thực hiện thủ tục tìm gia đình thay thế cho trẻ em theo đúng quy định của pháp luật: Không có trường hợp nào; (iii) Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật nuôi con nuôi để hạn chế tình trạng nuôi con nuôi mà không đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền; (iv) Công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi:

Tình hình đăng ký nuôi con nuôi trong nước: tổng số không có trường hợp đăng ký; số vụ việc bị thu hồi, hủy bỏ không có trường hợp nào

4.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Khối lượng hồ sơ hộ tịch phát sinh lớn trong khi biên chế công chức làm công tác hộ tịch còn ít; hạ tầng kỹ thuật, đường truyền phục vụ đăng ký hộ tịch trực tuyến tại một số thời điểm chưa ổn định, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ.

5. Công tác bồi thường Nhà nước

5.1. Kết quả đạt được

Tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả: tổng số vụ việc yêu cầu bồi thường là không có vụ việc; số vụ việc từ kỳ trước chuyển sang là không; vụ việc thụ lý mới là không; vụ việc đã giải quyết là không; tổng số tiền theo quyết định giải quyết bồi thường là không đồng; số tiền đã chi trả là không đồng; số tiền đã hoàn trả là không đồng; số liệu được cập nhật theo biểu mẫu số 01, 03, 04 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

Công tác phối hợp liên ngành trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước:

5.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Một số quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước mới được sửa đổi, bổ sung; công chức cấp xã còn ít kinh nghiệm thực tiễn trong việc xác định phạm vi, mức bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả.

6. Công tác quản lý nhà nước về chứng thực

6.1. Kết quả đạt được

Tình hình thi hành các quy định của pháp luật hiện hành về công tác chứng thực: Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch 1908 hồ sơ; chứng thực chữ ký 281 hồ sơ, chứng thực bản sao từ bản chính 6750 bản, chứng thực bản sao điện tử 2537 bản;

6.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Số lượng hồ sơ chứng thực tập trung vào một số thời điểm trong năm, gây áp lực cho công chức thực hiện nhiệm vụ; việc lưu trữ, số hóa dữ liệu chứng thực còn gặp khó khăn về trang thiết bị.

7. Công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính

7.1. Kết quả đạt được

Việc tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ; theo dõi và báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong ngành, lĩnh vực quản lý: Ủy ban nhân dân xã đã ban hành 253/KH-UBND, ngày 29/01/2026 về thực nhiệm vụ công tác Tư pháp năm 2026.

Đánh giá tình hình vi phạm hành chính, kết quả xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính bảo đảm quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2025/TT-BTP ngày 31/10/2025: số vụ vi phạm hành chính phát hiện là 04 vụ; số quyết định xử phạt đã ban hành là 04; tổng số tiền phạt là 14.000.000 đồng *(mười bốn triệu đồng chẵn)*; số vụ việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là 04 vụ.

7.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Đặc biệt khó khăn, vướng mắc trong thực hiện thẩm quyền xử phạt, tổ chức thi hành quyết định xử phạt và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, các vấn đề phát sinh trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện phân cấp, phân quyền và mô hình chính quyền địa phương hai cấp:

8. Tình hình triển khai công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

8.1. Kết quả đạt được

Ủy ban nhân dân xã đã rà soát, công khai 67 thủ tục hành chính nghành tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã ; tiếp nhận và giải quyết 3576 hồ sơ, trong đó giải quyết đúng hạn 3576 hồ sơ; thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến đạt 3576/3576 đạt 100% hồ sơ; kết quả kiểm soát thủ tục hành chính: Nâng cao tính chủ động: Mô hình chính quyền 2 cấp và các quy định mới tại Nghị định 118/2025/NĐ-CP đã tăng cường phân cấp, ủy quyền cho UBND Phường, đặc biệt là trong các lĩnh vực xây dựng, đất đai, chứng thực... giúp giảm thời gian, rút ngắn quy trình xử lý tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp. Thúc đẩy chuyển đổi số mạnh mẽ: Công chức đã thay đổi thói quen làm việc từ thủ công sang xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dữ liệu trên các phần mềm chuyên ngành (hộ tịch, đất đai, đăng ký kinh doanh, thuế...) Nâng cao trình độ công nghệ thông tin, trách nhiệm của cán bộ, công chức góp phần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, công khai, minh bạch. Công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn đã cơ bản đạt kết quả theo yêu cầu. Các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tích cực chủ động bám sát nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch của UBND phường và triển khai phù hợp với thực tiễn tình hình trên địa bàn. Thông qua việc niêm yết, công khai các Quyết định công bố trình tự thực hiện TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh của các đơn vị trên địa bàn, người dân khi tham gia thực hiện các TTHC đã thực hiện được quyền giám sát việc giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước; kịp thời phản ánh kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền xem lại các TTHC chậm được giải quyết so với quy định. Công tác tiếp nhận hồ sơ, giải

quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức về cơ bản đã được quan tâm, đa số các hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện đúng trình tự, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí và lệ phí. Kết quả: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn đạt 98,9%

8.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Một số thủ tục hành chính sau khi phân cấp về cấp xã còn phát sinh vướng mắc về thành phần hồ sơ, quy trình xử lý; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình chưa cao.

9. Công tác xây dựng Ngành; đào tạo, bồi dưỡng; thi đua, khen thưởng

9.1. Kết quả đạt được

Kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan tư pháp theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Ủy ban nhân dân xã đã bố trí 02 công chức làm công tác tư pháp – hộ tịch; thực hiện việc chuyển giao, tiếp nhận nhiệm vụ theo phân cấp bảo đảm không gián đoạn công việc phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Mỗi khi có giấy mời của UBND tỉnh hoặc của Sở tư pháp tham dự đầy đủ lớp.

Công tác thi đua, khen thưởng: Ủy ban nhân dân xã đã phát động phong trào thi đua gắn với thực hiện nhiệm vụ công tác tư pháp;

Đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm của công chức tư pháp cấp xã:

9.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Công chức tư pháp – hộ tịch cấp xã phải đảm nhận nhiều lĩnh vực chuyên môn nên ít có điều kiện tham gia các khóa đào tạo dài hạn; chế độ, chính sách đối với công chức làm công tác tư pháp ở cấp xã chưa tương xứng với khối lượng công việc.

10. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

10.1. Kết quả đạt được

Trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030", Ủy ban nhân dân xã đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tư pháp tại địa phương;

Tình hình triển khai các ứng dụng do Bộ Tư pháp triển khai: Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức sử dụng ứng dụng, phần mềm dùng chung phục vụ công tác tư

pháp; khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin:

Tình hình kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của địa phương; khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị trong việc triển khai kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu một cách đồng bộ:

10.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin tại xã chưa đồng bộ; một số phần mềm chuyên ngành chưa được kết nối, chia sẻ dữ liệu với nhau nên công chức phải nhập liệu nhiều lần, mất nhiều thời gian; trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Về kết quả nổi bật: Năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Đức Thịnh đã bám sát sự chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh, tổ chức triển khai tương đối đầy đủ các lĩnh vực công tác tư pháp được phân cấp về cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; công tác chỉ đạo, điều hành được duy trì nền nếp; các lĩnh vực hộ tịch, chứng thực, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Về khó khăn, vướng mắc: Việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp trong năm đầu tiên làm phát sinh nhiều nhiệm vụ mới tại cấp xã trong khi tổ chức bộ máy, nhân lực và kinh phí chưa được bảo đảm tương xứng; công chức tư pháp – hộ tịch vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn vừa phải tiếp nhận, chuyển giao công việc theo phân cấp mà cấp huyện chuyển xuống.

Về nguyên nhân: Nguyên nhân khách quan là khối lượng công việc tăng trong khi các điều kiện bảo đảm chưa theo kịp, một số văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành cần thời gian triển khai, hướng dẫn. Nguyên nhân chủ quan là năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện của công chức còn hạn chế; công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn có lúc chưa chặt chẽ; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tư pháp còn chậm.

PHẦN THỨ HAI:
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2027

Năm 2027 là năm tiếp tục hoàn thiện và vận hành ổn định mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã. Yêu cầu đặt ra đối với công tác tư pháp của xã Đức Thịnh là tiếp tục nâng cao chất lượng tham mưu, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực tư pháp; khắc phục những hạn chế đã chỉ ra; bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2027

1. Phương hướng, nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2027

Tiếp tục quán triệt, triển khai có hiệu quả các nghị quyết, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tư pháp, trọng tâm là Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị. Ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch công tác tư pháp năm 2027 và phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân; bảo đảm các nhiệm vụ công tác tư pháp được thực hiện đầy đủ theo thẩm quyền của cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Trên từng lĩnh vực công tác cụ thể nêu tại mục II, Phần thứ nhất của Báo cáo, nhiệm vụ năm 2027 được xác định như sau: nâng cao chất lượng tham mưu công tác xây dựng, tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; thực hiện nghiêm túc công tác quản lý nhà nước về hộ tịch, nuôi con nuôi, chứng thực; tăng cường quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và bồi thường nhà nước; đẩy mạnh cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác tư pháp.

Chỉ tiêu cụ thể phấn đấu trong năm 2027: 100% hồ sơ hộ tịch, chứng thực được giải quyết đúng thời hạn theo quy định; tổ hòa giải thường xuyên được củng cố, kiện toàn; phấn đấu xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2027;

2. Giải pháp chủ yếu

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành: Ủy ban nhân dân xã phân công rõ trách nhiệm của từng công chức, bộ phận trong thực hiện nhiệm vụ công tác tư pháp; duy trì chế độ giao ban, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Hai là, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác tư pháp – hộ tịch: bố trí đủ số lượng, bảo đảm đúng tiêu chuẩn chức danh; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; đề xuất Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh tổ chức bồi dưỡng chuyên sâu theo vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Ba là, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác tư pháp: tiếp tục triển khai có hiệu quả các ứng dụng, hệ thống dùng chung của Bộ Tư pháp; đẩy mạnh đăng ký hộ tịch trực tuyến, cấp bản sao điện tử trong lĩnh vực chứng thực; thực hiện số hóa, lưu trữ dữ liệu chuyên ngành.

Bốn là, bảo đảm nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất: kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật và các nhiệm vụ tư pháp khác theo quy định; đề xuất cấp có thẩm quyền trang bị bổ sung trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chuyên môn.

Năm là, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, bộ phận: duy trì phối hợp chặt chẽ giữa công chức tư pháp – hộ tịch với các bộ phận chuyên môn của xã, với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã lân cận trong thực hiện nhiệm vụ; phát huy vai trò của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp xã, các tổ hòa giải ở cơ sở và đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục quan tâm hướng dẫn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp – hộ tịch cấp xã, nhất là các nội dung mới phát sinh sau sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Đề nghị xem xét bố trí kinh phí, trang thiết bị và bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp với hệ thống thông tin của địa phương; đồng thời sớm có hướng dẫn tháo gỡ các vướng mắc trong thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại cấp xã./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Chánh VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, TP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Thể